

Bản án số: 63/2020/DS-PT
Ngày 11 tháng 3 năm 2020
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Nguyễn Văn Tũu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 655/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1119/2019/DS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2020/QĐPT-DS ngày 24/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Lê Thị A, sinh năm 1939 (vắng mặt);

Địa chỉ: Dr Brenwood CA 94513.

2/ Ông Lê Phú T, sinh năm 1947 (vắng mặt);

Địa chỉ: Dr Janjose CA 95148.

3/ Ông Lê Phú L, sinh năm 1948 (vắng mặt);

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

4/ Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

5/ Ông Lê Phú Th, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: San Jose CA 95136.

6/ Bà Lê Thu H, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: San Jose CA 95136.

7/ Bà Lê Thu H1, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: San Jose CA 95132.

Người đại diện hợp pháp của bà A, ông T, ông L, bà Ph, ông Th, bà H, bà H1: Ông Trần Cao C, sinh năm 1985. (có mặt);

Địa chỉ: 188 Đề Thám, phường C, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Ph:
Luật sư Trần Thị T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Bà Lê Thị X, sinh năm 1958 (có mặt).

2/ Anh Lê Phú Ng, sinh năm 1985 (có mặt).

3/ Chị Lê Thanh Tr, sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị H2, sinh năm 1949 (vắng mặt).

Địa chỉ: 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú hiện nay: LasVegas NV 89129.

2/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú hiện nay: Chùa D, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà Lê Thị Ph1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: San Jose CA 95148.

4/ Ông Lê Phú Tr1, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: France.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, bà N, bà Ph1, ông Tr1: anh Lâm Bình K, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: 05 Trần Quang K, phường T, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Cháu Lê Phú B, sinh năm 2013 có cha ruột là anh Lê Phú Ng, sinh năm 1985 là đại diện theo pháp luật (có mặt).

Địa chỉ: 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ph1: Luật sư Trương Thị Z – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người kháng cáo:** Các bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn – bà Lê Thị A, ông Lê Phú T, ông Lê Phú L, bà Lê Thị Ph, ông Lê Phú Th, bà Lê Thu H, bà Lê Thu H1 và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Cao C trình bày:

Cụ Lê Văn X1 và cụ Mai Thị Đ kết hôn năm 1950, có giấy hôn thú do tỉnh Gia Định cấp. Trong thời kỳ hôn nhân, 2 cụ có 13 người con chung gồm:

- 1/ Lê Phú T, sinh năm 1947;
- 2/ Lê Phú L, sinh năm 1948;
- 3/ Lê Thị H2, sinh năm 1949;
- 4/ Lê Phú Tr1, sinh năm 1950;
- 5/ Lê Thị N, sinh năm 1952;
- 6/ Lê Phú Q, sinh năm 1954, chết năm 2014;
- 7/ Lê Phú Th, sinh năm 1955;
- 8/ Lê Phú H3, sinh năm 1956, chết năm 2003, không có vợ con;
- 9/ Lê Thị Ph, sinh năm 1958;
- 10/ Lê Phú H4, sinh năm 1959, chết năm 2010, không có vợ con;
- 11/ Lê Thị Ph1, sinh năm 1960;
- 12/ Lê Thu H, sinh năm 1962;
- 13/ Lê Thu H1, sinh năm 1966;

Cụ Lê Văn X1 còn có một người con riêng với cụ Nguyễn Thị Nuôi là bà Lê Thị A, sinh năm 1939. Ngoài ra cụ X1, cụ Đ không còn con riêng hay con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân, cụ X1, cụ Đ có tạo lập một căn nhà số 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng cụ X1, cụ Đ cùng 14 người con đã sinh sống tại căn nhà này từ năm 1964.

Năm 1991, cụ Lê Văn X1 đi định cư tại Hoa Kỳ. Trước khi xuất cảnh, cụ X1 làm giấy xác nhận ủy quyền sở hữu toàn bộ căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cho cụ Đ làm chủ sở hữu. Năm 1993, cụ X1 chết tại Hoa Kỳ không để lại di chúc. Năm 2000, cụ Đ chết và có để lại di chúc như sau: *“Sau khi tôi qua đời, di sản của tôi là căn phố do tôi mua góp từ năm 1962 đến năm 1965 với số tiền tôi dành dụm mà ra. Căn phố diện tích 48 thước vuông là một phần lô “P” thuộc bằng khoán số 228 “Sài Gòn Đakao” tọa lạc tại 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, sau này sẽ là bất động sản di tặng cho tất cả 14 đứa con có tên dưới đây...”*.

Khi cụ X1, cụ Đ còn sống, gia đình ông Lê Phú Q gồm ông Lê Phú Q, vợ là bà Lê Thị X, con là Lê Phú Ng và Lê Thanh Tr dù đã có nhà riêng tại số 77/1 đường Th, phường Th, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn về ở tại căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng với lý do tiện cho các con ăn học tại các trường ở trung tâm thành phố. Sau khi cụ Đ chết, bà Lê Thị N tiếp tục sinh sống tại căn nhà trên. Kể từ đây, căn nhà này là nơi ở của những người con ở nước ngoài về Việt Nam thăm gia đình hàng năm.

Khi ông Q còn sống thì các anh em sống với nhau rất hòa thuận, các anh em luôn sẵn sàng hỗ trợ tài chính khi ông Q yêu cầu. Tuy nhiên sau khi ông Q chết thì bà Lê Thị X và 02 con cùng phát sinh mâu thuẫn với tất cả các anh em ruột của ông Lê Phú Q. Bà X hay chửi mắng, tìm cách gây khó khăn cho cuộc sống riêng của bà Lê Thị N khiến bà N phải lên chùa đi tu. Ngoài ra, bà X và các con còn ngăn cản không cho những anh chị em ở nước ngoài về cư trú trong căn nhà, phải thuê khách sạn ở. bà X và 02 con độc chiếm căn nhà và kinh doanh bất chấp sự phản đối của các con của cụ X1, cụ Đ.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế của cụ X1 và cụ Đ và con riêng của cụ X1 là bà Lê Thị A. Các đồng nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị được nhận hiện vật và hoàn giá trị phần thừa kế cho những người kế thừa của ông Lê Phú Q.

Bị đơn - bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr trình bày:

Về nguồn gốc nhà đất 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và về hàng thừa kế thống nhất theo trình bày của nguyên đơn.

Hiện nay trong căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh có 04 người đang thực tế cư trú là bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng, chị Lê Thanh Tr và cháu Lê Phú B (sinh năm 2013). bà X xác định vợ chồng bà cùng các con đã sống tại căn nhà này từ trước năm 1991, ông Lê Phú Q tách khẩu riêng và đứng tên chủ hộ tại căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng từ năm 1985.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn yêu cầu trong trường hợp chia thừa kế theo pháp luật nhà đất nêu trên phải xem xét công sức gìn giữ, tu bổ di sản của bị đơn từ trước đến nay là 6.000.000.000 đồng, công nhận nội dung phát sinh tranh chấp trong đơn khởi kiện của phía nguyên đơn là sai sự thật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín, sức khỏe của gia đình bị đơn, yêu cầu phía nguyên đơn phải công khai xin lỗi gia đình bị đơn trước Tòa. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế căn nhà trên, phía bị đơn đề nghị được nhận nhà để làm nhà thờ và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị N, bà Lê Thị H2, bà Lê Thị Ph1 và ông Lê Phú Tr1 và người đại diện theo ủy quyền là anh Lâm Bình K trình bày:

Thông nhất với nguyên đơn về nguồn gốc di sản và hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày. Đồng ý như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. bà H2, bà N, bà Ph1, ông Tr1 không có đóng góp công sức, xây dựng sửa chữa gì đối với căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật căn nhà trên, xin được nhận bằng hiện vật, ngoài ra các ông bà không có yêu cầu nào khác. Sau khi cụ X1 đi nước ngoài thì bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng cụ Đ cho đến khi cụ Đ chết. Chi phí nuôi dưỡng cụ Đ và chi phí ma chay do các anh chị em cùng đóng góp, không có yêu cầu Tòa án xem xét trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1119/2019/DS-ST ngày 10/9/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Áp dụng các Điều 26; Điều 35 ; Điều 37; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 24, Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 ;

- Áp dụng Điều 636, Điều 652, Điều 653 Bộ luật dân sự 1995 ;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2000.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với nhà đất tại số 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Xác định nhà đất số 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Lê Văn X1 và bà Mai Thị Đ chết để lại.

Xác định những người được hưởng di sản thừa kế của ông X1 bà Đ gồm: Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Q, Lê Phú Th, Lê Phú H3, Lê Phú H4.

Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông Lê Phú H3 và ông Lê Phú H4 gồm: Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Q, Lê Phú Th.

2. Các ông bà: Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Th mỗi người được hưởng 895.124.363 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi ba đồng), tương đương 8,016% giá trị căn nhà.

3. Các ông bà: Lê Thị X, Lê Phú Ng và Lê Thị Thanh Trúc được hưởng 1.320.530.001 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi ngàn không trăm lẻ một đồng), tương đương 11,825% giá trị căn nhà.

4. Các ông bà: Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Th có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị X, Anh Lê Phú Ng, Bà Lê Thanh Tr giá trị kỷ phần thừa kế là 1.320.530.001 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi ngàn không trăm lẻ một đồng), tương đương 11,825% giá trị căn nhà. Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Sau khi hoàn trả xong kỷ phần thừa kế, các ông bà nêu trên được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận đồng sở hữu nhà đất số 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Các ông bà: Lê Thị X, Lê Phú Ng và Lê Thị Thanh Trúc phải giao trả căn nhà số 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cho các đồng thừa kế còn lại sau khi nhận đủ giá trị kỷ phần thừa kế là 1.320.530.001 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi ngàn không trăm lẻ một đồng), tương đương 11,825% giá trị căn nhà.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, bị đơn bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế, về nguồn gốc tài sản, bản vẽ hiện trạng nhà, đất và giá trị định giá tài

sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo bản án sơ thẩm; không yêu cầu đo vẽ và định giá lại. Đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với nhà đất tại số 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy các đồng nguyên đơn và bà H2, bà Ph1, ông Tr1 đều định cư ở nước ngoài, bà N đi tu ở chùa tại Đồng Nai từ năm 2004, nhưng đây là nơi đi về của các anh chị em. Gia đình bà X hiện nay có nhà ở quận 2. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế, về nguồn gốc tài sản, bản vẽ hiện trạng nhà, đất và giá trị định giá tài sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo bản án sơ thẩm; không yêu cầu đo vẽ và định giá lại. bà N không còn ở căn nhà này do đã đi tu và cư ngụ ổn định tại Đồng Nai từ năm 2004 đến nay, còn các thừa kế khác đều định cư ở nước ngoài. Tuy nhiên, căn nhà số 43 là nơi thờ cúng cha, mẹ. Hơn nữa, gia đình bà X đã có nhà bên quận 2. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Các bị đơn trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế, về nguồn gốc tài sản, bản vẽ hiện trạng nhà, đất và giá trị định giá tài sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo bản án sơ thẩm; không yêu cầu đo vẽ và định giá lại. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án. Bị đơn có căn nhà tại địa chỉ 77/1, khu phố 2, phường Th, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng gia đình có 2 người con nên căn nhà này phải để cho một người con để ở. Vì nhà 77/1 quá nhỏ không ở được nhiều người gia đình bị đơn vẫn ở tại căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng là chính để giữ gìn, trông coi căn nhà này, buôn bán nuôi sống gia đình và chăm sóc mẹ già. Gia đình bị đơn đã ở trong căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng từ những năm mới mua, khi ông Q chết thì anh Lê Phú Ng là cháu nội đích tôn của gia đình, hiện đang cư ngụ trong nhà này vẫn thực hiện tốt việc gìn giữ ngôi nhà và thờ cúng tổ tiên hiện nay cũng như về sau. Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét kỹ việc vào thời điểm năm 1991, khi các anh em được diện xuất cảnh đi nước ngoài hết, chỉ có ông Q và bà N đã từ chối không đi xuất cảnh để ở lại Việt Nam chăm sóc mẹ già và trông coi nhà cửa. Nếu ông Q cũng đi nước ngoài tại thời điểm đó thì kinh tế gia đình bị đơn cũng giàu có như các anh em khác. Hơn nữa, hiện nay toàn bộ các anh em khác đều có quốc tịch nước ngoài, chỉ còn bà N có quốc tịch Việt Nam, nhưng đã đi tu hành ở chùa tại tỉnh Đồng Nai và cư ngụ luôn ở chùa từ năm 2004. Do gia đình bị đơn đã gắn bó với căn nhà này từ rất lâu rồi và luôn coi như nhà của mình, nếu bị đơn dời đi nơi khác thì việc thờ cúng ông bà tại căn nhà này không được thường xuyên và gây rất nhiều khó khăn cho hoàn cảnh gia đình bị đơn.

Khi kháng cáo do sơ suất nên bị đơn chỉ ghi kháng cáo toàn bộ bản án, không ghi rõ yêu cầu được nhận căn nhà số 43 Nguyễn Trung Ng. Nay tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày cụ thể hơn là xin được nhận căn nhà này và trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Yêu cầu công nhận công sức của vợ chồng

của ông Lê Phú Q trong việc phụng dưỡng cha mẹ già. Yêu cầu hoàn trả các khoản chi phí mà bị đơn đã tu sửa đối với căn này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của Luật sư, của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ tạm ứng án phí đương sự kháng cáo đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, có một số đương sự vắng mặt nhưng các đương sự này đã có văn bản ủy quyền cho người khác có mặt tham gia phiên tòa hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc di sản:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất nguồn gốc khu nhà, đất số 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là do cụ Lê Văn X1 và cụ Mai Thị Đ tạo lập. Theo Công văn số 4739/CNQ1 ngày 11/7/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai Quận 1 thể hiện cụ X1 được phép ủy quyền sở hữu căn nhà này cho cụ Đ theo Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà số 2537/FP-MB7 ngày 31/5/1991 do Sở Nhà đất cấp, cấu trúc nhà phố 2 lầu, diện tích sử dụng 147,56m². Hiện nay khu nhà, đất này chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ai. Căn cứ Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà số 2537/FP-MB7 ngày 31/5/1991 và lời thừa nhận của các đương sự, có cơ sở xác định nhà đất số 43 Nguyễn Trung Ng là di sản của cụ X1 và cụ Đ chết để lại.

[2.2] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: Cụ Lê Văn X1 chết năm 1993, cụ Mai Thị Đ chết năm 2000, căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu chia thừa kế đối với di sản của cụ X1, cụ Đ là vẫn còn.

[2.3] Về hiệu lực của di chúc:

Ngày 11/12/1992, cụ Đ lập Tờ di chúc có Công chứng của Phòng công chứng nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh định đoạt toàn bộ nhà đất số 43 Nguyễn Trung Ng, đến năm 2000 thì cụ Đ chết. Căn cứ theo quy định tại Điều 652 và 653 Bộ luật dân sự 1995 thì di chúc của cụ Đ là hợp lệ về mặt hình thức. Do nhà đất số 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y là tài sản chung vợ chồng cho nên cụ Đ chỉ có quyền định đoạt đối với $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và phần nhà là kỷ phần cụ được hưởng do cụ X1 chết để lại.

[2.4] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông bà: Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Q, Lê Phú Th, Lê Phú H3, Lê Phú H4.

[2.5] Xét yêu cầu chi phí phụng dưỡng cụ Đ và gìn giữ, duy tu, bảo dưỡng căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y.

[2.5.1] Bị đơn đề nghị trước khi chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn phải xem xét đền bù công sức và tiền bạc của bị đơn trong việc phụng dưỡng cụ Đ và gìn giữ, duy tu, bảo dưỡng căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y là 6.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn xác định lại giá trị yêu cầu là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), đề nghị được nhận nhà và hoàn lại giá trị kỷ phần cho nguyên đơn và những người liên quan. Bị đơn cho rằng gia đình ông Lê Phú Q đã ở trong căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng từ những năm mới mua, ông Q chết thì anh Lê Phú Ng là cháu nội đích tôn của gia đình, hiện đang cư ngụ trong nhà vẫn thực hiện tốt việc gìn giữ ngôi nhà và thờ cúng tổ tiên. Vào thời điểm năm 1991, ông Q đã từ chối không đi xuất cảnh để ở lại Việt Nam chăm sóc mẹ già và trông coi nhà cửa. Trong quá trình sống tại căn nhà, vợ chồng ông Lê Phú Q đã bỏ tiền ra sửa chữa căn nhà, nhưng thời gian đã quá lâu nên không lưu giữ các chứng từ. Bị đơn có sử dụng diện tích phía trước nhà để bán nước giải khát, nhưng lợi nhuận không nhiều, chỉ bằng mức thu nhập của 01 người lao động phổ thông. Bị đơn xác định căn nhà tại địa chỉ 77/1, khu phố 2, phường Th, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng nhà quá nhỏ nên vẫn ở lại căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng là để giữ gìn, trông coi căn nhà này và chăm sóc mẹ.

Xét thấy, sau khi cụ Đ chết, giữa các đồng thừa kế không có thỏa thuận về việc cử ra người quản lý di sản, gia đình ông Lê Phú Q tiếp tục sống trong căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng tới nay. Do đó, gia đình ông Q là người quản lý di sản theo quy định tại khoản 2 Điều 616 Bộ luật Dân sự 2015. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 618 Bộ luật dân sự 2015 và án lệ số 05/2016/AL được Hội

đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06/4/2016 thì người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản quy định tại khoản 2 Điều 616 của Bộ luật này có quyền được thanh toán chi phí bảo quản di sản. Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 658 Bộ luật Dân sự 2015 thì các khoản chi phí liên quan đến thừa kế được ưu tiên thanh toán có chi phí cho việc bảo quản di sản.

[2.5.3] Qua trình bày của các đương sự, đối chiếu với hồ sơ nhà 43 Nguyễn Trung Ng do Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận X cung cấp cho Tòa án và Bản vẽ hiện trạng số: 062/KĐ/2018 do Công ty TNHH Đo đạc – Thiết kế - Xây dựng K lập ngày 14/6/2018 đã được Văn phòng đăng ký đất đai Quận X kiểm tra nội nghiệp thì hiện trạng nhà hiện nay không thay đổi. Bị đơn trình bày có sửa chữa, tu bổ một số hạng mục như toàn bộ cửa, toàn bộ gạch lát, xây mới phòng tắm, nhà vệ sinh, bếp, hầm tự hoại, thay mới hệ thống dây điện, hệ thống cấp thoát nước, chống thấm, chống đột... Các hạng mục sửa chữa này cơ bản không làm thay đổi kết cấu căn nhà, hơn nữa do gia đình bị đơn đang cư trú trong căn nhà thì những sửa chữa nêu trên cũng nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt gia đình. Việc gia đình ông Q được ở tại căn nhà 43 Nguyễn Trung Ng là do tài sản này của cụ X1 và cụ Đ. Ông Q là con ruột của cụ X1, cụ Đ, lại trực tiếp ở cùng cha, mẹ nên vợ chồng ông Q phải có nghĩa vụ phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ. Hơn nữa, phía gia đình bị đơn còn sử dụng mặt bằng trước nhà buôn bán nước giải khát cũng xem như có hưởng hoa lợi từ căn nhà này.

Ngày 24/02/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 924/QĐ-CCCC yêu cầu bà Lê Thị X cung cấp chứng cứ chứng minh công sức và tiền mà vợ chồng bà đã bỏ ra để duy tu di sản tranh chấp. Tuy nhiên, bà X không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo yêu cầu của Tòa án. Theo trình bày của các đương sự thì từ năm 1991, các anh em ông Q xuất cảnh đi nước ngoài chỉ có bà N và ông Q ở lại Việt Nam chăm sóc mẹ và trông nom nhà cửa. Năm 2000 cụ Đ chết, năm 2004 bà N lên chùa ở Đồng Nai tu hành sống đến nay, chỉ còn gia đình ông Q ở lại trong căn nhà, giữa các đồng thừa kế không có thỏa thuận về người quản lý di sản. Do đó, khoảng thời gian được xét tính công sức gìn giữ di sản của gia đình ông Q chỉ được tính từ sau thời điểm cụ Đ chết và bà N rời khỏi căn nhà trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét chấp nhận một phần yêu cầu tính chi phí bảo quản di sản của gia đình ông Lê Phú Q giá trị bằng một kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Đ để lại, không chấp nhận yêu cầu tính chi phí mà gia đình ông Q đã bỏ ra để sửa chữa di sản.

[2.6] Đối với yêu cầu của đương sự về việc chia thừa kế di sản:

[2.6.1] Xét thấy, Đối với di sản tranh chấp có hai thời điểm mở thừa kế. Cụ Lê Văn X1 chết năm 1993 nên thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ X1 để lại là năm 1993. Theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990, di sản cụ X1 để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số 43 Nguyễn Trung Ng. Cụ X1 chết không để lại di chúc nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh thừa kế thì di sản cụ X1 được chia theo pháp luật. Theo quy

định tại khoản 2 Điều 5 và Điều 25 Pháp lệnh thừa kế thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ X1 gồm: cụ Mai Thị Đ là vợ và các con gồm Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Q, Lê Phú Th, Lê Phú H3, Lê Phú H4. Theo quy định tại Điều 35 Pháp lệnh thừa kế thì di sản của cụ X1 được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất, cụ thể mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ X1 được hưởng 1/30 giá trị nhà đất số 43 Nguyễn Trung Ng. Cụ thể: Cụ Đ được hưởng 16/30 giá trị căn nhà tương đương 5.955.678.933 đồng; các con gồm Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Q, Lê Phú Th, Lê Phú H3, Lê Phú H4 mỗi người được hưởng 1/30 giá trị căn nhà, tương đương 372.229.933 đồng.

Cụ Mai Thị Đ chết năm 2000 nên thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ Đ để lại là năm 2000 theo quy định tại Điều 636 Bộ luật Dân sự 1995. Cụ Đ có để lại di chúc ngày 11/12/1992 với nội dung để lại toàn bộ nhà đất số 43 Nguyễn Trung Ng cho 14 người con, các con đều có quyền đem gia đình về ở khi thiếu phương tiện nhà ở. Tuy nhiên, nội dung di chúc chưa phù hợp, vì cụ Đ chỉ có quyền định đoạt đối với phần tài sản của cụ Đ là 16/30 giá trị căn nhà. Do đó, có căn cứ chia thừa kế phần di sản của cụ Đ đối với nhà đất số 43 Nguyễn Trung Ng cho tất cả các con của cụ X1, cụ Đ gồm: Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Q, Lê Phú Th, Lê Phú H3, Lê Phú H4 theo di chúc của cụ Đ.

Riêng ông Lê Phú H3 chết năm 2003, ông Lê Phú H4 chết năm 2010, ông H4 và ông H3 không có vợ con, ông Lê Phú Q chết năm 2014 có vợ là bà Lê Thị X và các con là Lê Phú Ng, Lê Thanh Tr, xét những người này chết sau người để lại di sản. Đối với phần thừa kế của ông Lê Phú Q sẽ do người kế thừa của ông Q được hưởng là vợ và các con. Ông Lê Phú H3 và ông Lê Phú H4 không có vợ con nên căn cứ theo quy định pháp luật, kỷ phần mà ông H3 ông H4 được hưởng sẽ chia đều cho các anh chị em ruột thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông H4 và ông H3.

Ông Lê Phú Q chết năm 2014, do đó vợ và con của ông Q được hưởng phần di sản thừa kế mà ông Q được chia từ di sản nêu trên.

Theo biên bản định giá ngày 25/10/2018 thì giá trị căn nhà là 11.166.898.000 đồng (Mười một tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn đồng). Cụ thể phân chia di sản của cụ Đ như sau:

- Giá trị công sức duy trì, bảo quản di sản được tính cụ thể là 16/30 giá trị căn nhà chia đều cho 14 người con, tương đương 425.405.638 đồng, giá trị này được trừ ra trước khi chia di sản của cụ Đ.

- Phần di sản của cụ Đ sau khi trừ công sức duy trì bảo quản di sản còn lại là 5.530.273.295 đồng, được chia đều cho 14 người con, cụ thể mỗi người con được hưởng là 395.019.521 đồng, tương đương 3,537% giá trị căn nhà.

Phần di sản của ông H4, ông H3 được nhận (bao gồm kỷ phần của cụ X1 và kỷ phần của cụ Đ) được chia đều cho 12 anh chị em còn lại, cụ thể là $[(395.019.521 \text{ đồng} + 372.229.933 \text{ đồng}) \times 2] : 12 = 127.874.909 \text{ đồng/mỗi người}$.

Như vậy, tổng giá trị của mỗi kỷ phần thừa kế của mỗi đồng thừa kế sẽ bao gồm giá trị kỷ phần thừa kế của cụ X1 cộng với giá trị kỷ phần thừa kế của cụ Đ cộng với giá trị kỷ phần của ông H4 ông H3 chia đều cho các anh em, cụ thể là: $372.229.933 \text{ đồng} + 395.019.521 \text{ đồng} + 127.874.909 \text{ đồng} = 895.124.363 \text{ đồng}$ (Tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi ba đồng), tương đương 8,016% giá trị căn nhà.

Các ông bà: Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Th mỗi người được hưởng 895.124.363 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi ba đồng).

Bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng, chị Lê Thanh Tr ngoài giá trị kỷ phần nêu trên còn cộng thêm giá trị công sức duy trì, bảo quản di sản, cụ thể được hưởng $895.124.363 \text{ đồng} + 425.405.638 \text{ đồng} = 1.320.530.001 \text{ đồng}$ (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi ngàn không trăm lẻ một đồng), tương đương 11,825% giá trị căn nhà.

[2.7] Xét kháng cáo yêu cầu được nhận nhà, đất:

Con của cụ X1 là ông Q có vợ là bà X, các cháu ruột của cụ X1, cụ Đ là anh Ng, chị Tr, cháu ruột là cháu B (con anh Ng). Bốn thế hệ nêu trên đã có quá trình ở tại khu nhà, đất tranh chấp từ khi mới hình thành tài sản này, có hộ khẩu thường trú tại đây và hiện nay rất cần chỗ ở tại nơi này để thuận tiện cho việc làm ăn sinh sống, học tập. Nhất là bà X đã lớn tuổi, sức khỏe yếu, không có công việc ổn định, nếu giao nhà này cho nguyên đơn thì gây nhiều khó khăn cho bà X, vì bà X không có công việc nào khác để thu nhập ngoài thu nhập từ việc buôn bán tại đây và không thuận tiện cho học tập của cháu Bảo, cũng như công việc của các bị đơn khác. Trong khi đó tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày bà N đã không còn ở căn nhà này, đi tu và cư ngụ ổn định tại chùa ở Đồng Nai từ năm 2004 đến nay, còn các thừa kế khác đều định cư ở nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm; giao căn nhà số 43 Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cho bị đơn; bác các yêu cầu kháng cáo còn lại của bị đơn. Buộc bị đơn giao trả cho các đồng thừa kế khác giá trị các kỷ phần đã chia theo định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 636, Điều 652, Điều 653 Bộ luật dân sự 1995;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2000;

Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 24, Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 1119/2019/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với khu nhà, đất tọa lạc tại số 43, đường Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1 Xác định khu nhà, đất tọa lạc tại số 43, đường Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của cụ Lê Văn X1 và cụ Mai Thị Đ.

2.2. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của cụ X1, cụ Đ gồm các ông bà: Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Q, Lê Phú Th, Lê Phú H3, Lê Phú H4.

2.3. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ hai được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Phú H3 và ông Lê Phú H4 gồm các ông bà: Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Q, Lê Phú Th.

2.4. Xác định những được hưởng phần di sản thừa kế mà ông Q được chia từ di sản của cụ X1, cụ Đ để lại đối với khu nhà, đất tọa lạc tại số 43, đường Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh gồm bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr.

2.5. Các ông bà Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Th mỗi người được hưởng 895.124.363 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi ba đồng).

2.6. Bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr được hưởng 1.320.530.001 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi ngàn không trăm lẻ một đồng).

2.7. Bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho các ông, bà Lê Thị A, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Thị Ph, Lê Thị Ph1, Lê Thu H, Lê Thu H1, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Phú Tr1, Lê Phú Th mỗi người là 895.124.363 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi ba đồng) sau bản khi án có hiệu lực pháp luật.

2.8. Sau khi hoàn trả xong các kỳ phần thừa kế (Tự giao nhận hoặc tại cơ quan Thi hành án) thì bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục để được công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại số 43, đường Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr được trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất số 43, đường Nguyễn Trung Ng, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về án phí

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các ông bà Lê Thị A, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Thị Ph, Lê Phú Th, Lê Thị H2, Lê Thị N, Lê Phú Tr1, Lê Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho các ông bà Lê Thị A, Lê Phú T, Lê Phú L, Lê Thị Ph, Lê Phú Th số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 10.334.000 đồng (Mười triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0048955, số 0048961, số 0048960, số 0048958, số 0048959 nộp cùng ngày 13/3/2018 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các ông bà Lê Thu H, Lê Thu H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.853.731 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi một đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.334.000 đồng theo các biên lai tạm ứng án phí số 0048957 và 0048956 nộp cùng ngày 13/3/2018 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. bà H và bà H1 mỗi người còn phải nộp thêm 28.519.731 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm mười chín ngàn bảy trăm ba mươi một đồng).

- Bà Lê Thị Ph1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.853.731 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi một đồng).

- Anh Lê Phú Ng, chị Lê Thanh Tr mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 21.607.067 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn không trăm sáu mươi bảy đồng).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lê Thị X, anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr không phải chịu. Số tiền anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 600.000đ theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0024614 và 24615 nộp cùng ngày 01/10/2019 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Lê Phú Ng và chị Lê Thanh Tr phải nộp.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh(1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự;
- Lưu (3), (Án 15) NTDM.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh